

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **331/2023/HS-PT**

Ngày: 31-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Sự

Ông Đỗ Minh Nhựt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Linda – Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 237/2023/TLPT-HS ngày 07/7/2023 đối với bị cáo **Vũ Trung H** do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân TP Long Khánh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đối với bản án hình sự sơ thẩm số 71/2023/HS-ST ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân TP Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- Bị cáo bị kháng nghị:

Vũ Trung H, sinh năm 1982, tại: Nam Định.

Nơi thường trú: **Tổ I, ấp C, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai**; Nơi tạm trú: **Số nhà A, đường N, khu phố D, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai**; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Vũ Viết H1**, sinh năm 1959 và bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1960; có vợ là **Nguyễn Thị Hồng V**, sinh năm 1982; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 23/02/2022

Bị cáo bị bắt tạm giam tại phiên tòa ngày 26/5/2023 (Có mặt).

(Ngoài ra trong vụ án còn có những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng do không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05-6-2020, **Vũ Trung H** mua 01 xe ô tô màu trắng hiệu CHEVROLET mang biển số 79A-175.10 của chị **Nguyễn Thị Thúy P**, ngụ tại **A N, khu phố D, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai**, với giá 400.000.000 đồng. Do xe đang được thế chấp để vay tiền tại **Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 - Chi nhánh Thành phố H** (viết tắt **V2**) nên hai bên đã thỏa thuận như sau: **H** chỉ cần trả trước số tiền 100.000.000 đồng cho chị **P** và số tiền 300.000.000 đồng còn lại sẽ được **H** dùng để trả góp hàng tháng cho ngân hàng thay chị **P**. Hai bên có ký kết hợp đồng mua bán xe với nhau và không có công chứng, chứng thực theo quy định. Vì là bạn của chồng chị **P**, xét thấy nếu trực tiếp ký kết hợp đồng mua bán xe sẽ không hay nên **H** đã nhờ chị **Đinh Thị Đ**, ngụ tại **khu phố B, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai**, thay mình ký kết hợp đồng với chị **P**. Sau khi giao dịch xong, **H** đã nhận xe cùng giấy tờ liên quan để sử dụng.

Trong quá trình sử dụng xe ô tô trên, do không thực hiện nghĩa vụ đóng tiền trả góp hàng tháng cho ngân hàng thay chị **P** nên **H** không được ngân hàng cấp giấy xác nhận đang tạm giữ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô để có thể điều khiển xe lưu thông trên đường. Vì vậy, khoảng tháng 12-2020, **H** đã nảy sinh ý định đặt làm 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả của xe nêu trên để sử dụng nên đã truy cập mạng xã hội Facebook và tìm được một trang mạng chuyên nhận làm giấy tờ giả. **H** và 01 người (chưa rõ nhân thân, lai lịch) trên mạng xã hội Zalo nhắn tin, thỏa thuận làm cho **H** 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả của xe nêu trên với giá 1.500.000 đồng và **H** phải trả trước 100.000 đồng, số tiền 1.400.000 đồng còn lại khi nào nhận được giấy thì thanh toán trực tiếp cho nhân viên giao hàng. **H** gửi thông tin của xe ô tô nêu trên và mã số của 01 thẻ cào điện thoại di động **V3** có mệnh giá 100.000 đồng cho người này để đặt cọc. Khoảng 10 ngày sau, có 01 người tự xưng là nhân viên giao hàng (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đến nhà của **H** tại **số A N, khu phố D, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai** giao 01 phong bì được dán kín. **H** mở ra xem thì thấy bên trong là 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả có số 092884 của xe ô tô mang biển số 79A-175.10 mà mình đã đặt trước đó nên đã nhận lấy giấy này và thanh toán đủ số tiền 1.400.000 đồng còn lại cho nhân viên giao hàng.

Đến khoảng tháng 02-2021, do cần tiền phục vụ công việc kinh doanh nên **H** đã liên hệ với người quen biết là anh **Nguyễn Khắc T**, ngụ tại **ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai**, cầm cố xe ô tô nêu trên để vay tiền. Do thấy xe có giấy tờ hợp lệ và **H** cam kết không có tranh chấp nên anh **T** đồng ý nhận cầm cố xe ô tô nêu trên để cho **H** vay số tiền 200.000.000 đồng và không lấy lãi. Việc cầm cố xe được thực hiện tại nhà của **H** ở **số nhà A N, khu phố D, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai**, khi giao xe ô tô nêu trên, **H** cũng bàn giao cho anh **T** Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 092884 giả và không nói cho anh **T** biết việc giấy này là giả.

Đến tháng 11-2021, anh T liên hệ H để yêu cầu H trả tiền, thời điểm này, do kinh doanh khó khăn nên H chưa có tiền trả anh T. Thấy vậy, anh T đã thỏa thuận và đề nghị H chuyển số tiền đang nợ của anh T sang cho anh Đỗ Công T1, ngụ tại khu phố C, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai thì H đồng ý. Đến khoảng 17 giờ ngày 12/11/2021, anh T hẹn H và anh T1 đến quán cà phê K-C thuộc khu phố F, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai để thỏa thuận. Tại đây, vì là chỗ quen biết nên các bên thống nhất như sau: Anh T1 đồng ý nhận cầm cố xe ô tô mang biển số 79A-175.10 để cho H vay số tiền 200.000.000 đồng và không lấy lãi, đồng thời H sử dụng số tiền này để trả nợ cho anh T và lấy xe bàn giao cho anh T1. Sau khi thỏa thuận xong, anh T nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng từ anh T1 và cũng bàn giao đầy đủ xe cùng giấy tờ liên quan (trong đó có Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 092884 giả) cho anh T1. H và anh T1 còn ký kết với nhau Hợp đồng cho vay theo thỏa thuận. Trong suốt quá trình này, H không nói cho anh T1 biết việc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 092884 là giả và vẫn đồng ý bàn giao giấy này cùng xe cho anh T1. Khi về nhà kiểm tra, anh T1 phát hiện Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 092884 của xe ô tô mang biển số 79A-175.10 là giả nên đã làm đơn tố cáo đến Công an để giải quyết. Tại Cơ quan điều tra, H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra, mặc dù H cho rằng xe ô tô là của bị cáo mua nhưng không xuất trình được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để xác định có quyền sở hữu tài sản đối với xe ô tô biển số 79A-175.10. Trong khi đó, chị Đinh Thị Đ có lời khai xác định: xe ô tô là của chị mua của chị Nguyễn Thị Thúy P theo Hợp đồng mua bán xe ngày 05-6-2020 (Bút lục số 122), sau đó khi mua xe chị Đ giao xe cho bị cáo thuê để kinh doanh, bị cáo có nghĩa vụ phải đóng tiền trả góp mua xe cho Ngân hàng thay chị Đ.

Tại bản kết luận giám định số 2455/KLGD-PC09 ngày 24/01/2022, Phòng K1 Công an tỉnh Đ, kết luận:

1. Chữ ký mang tên Trung tá: Lê Quang H2 trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký mang tên Lê Quang H2, Trung tá: Lê Quang H2 trên các tài liệu nêu ở mẫu so sánh (ký hiệu M1, M3 và M4) không phải do cùng một người ký ra.

2. Hình dấu tròn Công an tỉnh K trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với hình dấu tròn Công an tỉnh K trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M2 đến M6) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Tại Bản bản án số 71/2023/HS-ST ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân TP Long Khánh, tỉnh Đồng Nai quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 341; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 298, 329 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên bố bị cáo Vũ Trung H phạm tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Xử phạt bị cáo Vũ Trung H 08 (T2) tháng tù, thời hạn tù của bị

cáo được tính kể từ ngày tuyên án (ngày 26-5-2023). Quyết định bắt, tạm giam bị cáo tại phiên tòa ngay sau khi tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và các đương sự khác.

* Ngày 02/6/2023 Viện kiểm sát nhân dân TP Long Khánh có kháng nghị số 01/KN-VKSLK kháng nghị Bản án số 71/2023/HS-ST ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân TP Long Khánh, tỉnh Đồng Nai với nội dung: Bị cáo **H** đặt làm giấy tờ giả với mục đích để sử dụng trong quá trình bị cáo **H** điều khiển xe ô tô mang biển số 70A – 175.10 lưu thông trên đường và sử dụng khi cầm cố chiếc xe ô tô này làm tài sản đảm bảo cho khoản vay số tiền 200.000.000đ của anh **Nguyễn Khắc T** và anh **Đỗ Công T1**. Bị cáo **H** đặt làm giả giấy tờ xe ô tô mang biển số 70A – 175.10 thông qua một người không quen biết trên mạng xã hội Zalo (không rõ nhân thân lai lịch), do không có căn cứ để chứng minh người làm giấy tờ xe giả cho **H** là ai, ở đâu nên bị cáo **H** bị xử lý về hành vi “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Mặt khác, tháng 02/2021 bị cáo **H** đã sử dụng giấy tờ giả này để thế chấp vay 200.000.000đ của anh **Nguyễn Khắc T**; đến ngày 12/11/2021 **H** tiếp tục dùng giấy tờ xe giả này để vay của anh **Nguyễn Công T3** số tiền 200.000.000đ trả cho anh **T**. Như vậy, bị cáo **H** đã hai lần sử dụng giấy chứng nhận xe giả này để vay tiền của hai người khác nhau nên hành vi nêu trên của bị cáo **H** là phạm tội hai lần trở lên theo điểm b khoản 2 Điều 341 BLHS, không đủ căn cứ cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 BLHS như án sơ thẩm đã tuyên. Đề nghị TAND tỉnh Đồng Nai hủy bản án HSST số 71/2023/HS-ST ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân TP Long Khánh, tỉnh Đồng Nai để xét xử lại theo quy định của pháp luật.

* Ngày 23/6/2023 Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Đồng Nai có kháng nghị số 234/KN-VKSLK kháng nghị Bản án số 71/2023/HS-ST ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân TP Long Khánh, tỉnh Đồng Nai với nội dung: Bị cáo **H** đặt làm giả giấy đăng ký xe ô tô mang biển số 70A – 175.10. Sau đó, do thiếu vốn đầu tư, **H** đã sử dụng cầm cố chiếc xe ô tô này làm tài sản đảm bảo cho khoản vay số tiền 200.000.000đ của anh **Nguyễn Khắc T**. Thấy xe có giấy tờ hợp lệ và **H** cam kết không tranh chấp nên anh **T** nhận cầm cố xe. **H** bàn giao xe và giấy tờ xe cho anh **T** mà không nói cho anh **T** biết giấy tờ xe là giả. **Vũ Trung H** có hành vi dùng thủ đoạn gian dối đưa giấy tờ xe giả cho anh **T** để chiếm đoạt số tiền 200.000.000đ, tội phạm hoàn thành khi anh **T** chuyển cho **H** số tiền 200.000.000đ. Hành vi của **H** có dấu hiệu của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điều 174 BLHS và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 2 Điều 341 BLHS, cấp sơ thẩm không truy tố **H** về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có dấu hiệu bỏ lọt tội danh. Đề nghị TAND tỉnh Đồng Nai hủy toàn bộ bản án HSST số 71/2023/HS-ST ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân TP Long Khánh, tỉnh Đồng Nai để điều tra lại theo quy định của pháp luật.

* Ngày 21/6/2023, Tòa án nhân dân TP Long Khánh có Báo cáo số 262/BC-TA báo cáo kiến nghị với nội dung: Ngoài hành vi phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, còn có cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo **H** cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174

BLHS. Theo hồ sơ vụ án thì sau khi thực hiện làm giả giấy đăng kí xe, bị cáo đã có hành vi sử dụng giấy đăng kí xe giả (kèm theo thông tin giả) làm cho người có tài sản (là anh T3 và anh T) tin xe ô tô và giấy đăng kí xe ô tô là của H với mục đích để chiếm đoạt số tiền 200.000.000đ. Tội phạm đã hoàn thành kể từ thời điểm bị cáo chiếm giữ tài sản (bị cáo trả lại tiền sau khi anh T3 có đơn tố cáo đến Công an phường X). Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai kịp thời có báo cáo Tòa án nhân dân có thẩm quyền xem xét kháng nghị theo thủ tục Giám đốc thẩm đối với Bản án số 26/2023/HS-ST ngày 27/3/2023 của Tòa án nhân dân TP Long Khánh, tỉnh Đồng Nai theo hướng hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm để điều tra, truy tố lại, xem xét thêm tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của bị cáo Vũ Trung H.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:* Căn cứ hồ sơ vụ án và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc cấp sơ thẩm đã không truy tố bị cáo H tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và không xét xử bị cáo H tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự; đề nghị chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân TP Long Khánh về việc cấp sơ thẩm không xét xử bị cáo H về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự, hủy toàn bộ bản án HSST số 71/2023/HS-ST ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân TP Long Khánh, tỉnh Đồng Nai để điều tra lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân TP Long Khánh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai và kiến nghị của TAND TP Long Khánh làm đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng nghị, kiến nghị, xét thấy:

Căn cứ vào các hướng dẫn và các quy định của pháp luật: Câu 4 mục I Giải đáp vướng mắc trong công tác xét xử ngày 11/12-4-2023 của Tòa án N1; mục 10 Phần 1 Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 giải đáp thắc mắc đối với trường hợp người thực hiện hành vi làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức để lừa đảo chiếm đoạt tài sản; mục 2 Công văn số 233/TANDTC-PC ngày 01/10/2019 giải đáp thắc mắc đối với trường hợp người thực hiện hành vi làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức để lừa đảo chiếm đoạt tài sản “trường hợp người thực hiện 01 hành vi nhưng thỏa mãn dấu hiệu cấu thành của nhiều tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội nặng hơn”; Công văn số 50/TANDTC-PC ngày 07/4/2020 về việc xử lý hình sự người sử dụng tài liệu giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản: “trường hợp người có hành vi sử dụng giấy tờ,

tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì bị xử lý hình sự về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Điều 174 của Bộ luật hình sự” và căn cứ vào lời khai của bị cáo và người liên quan, cụ thể: lời khai của bị cáo H (BL82) trình bày “tôi chỉ sử dụng giấy chứng nhận xe ô tô giả để có thể lưu thông xe trên đường và đưa cho người khác làm tin nhằm mượn tiền”; bị cáo H trình bày làm giả giấy chứng nhận xe mục đích để lưu thông trên đường, sau đó bị cáo gặp khó khăn về tài chính nên mới đi cầm xe cho T và T3, không nói là giấy tờ xe giả và nói là xe mình mua của P. Thêm và T3. Lời khai của T và T3 cũng khai khi cầm xe cho H không biết giấy tờ xe là giả và bị cáo nói xe bị cáo mua của chị P nên mới đồng ý cầm; Lời khai Tại Biên bản đối chất (BL137) H nói mua xe của P nhờ Đ đứng tên (không có gì chứng minh, nhờ miệng), Đ nói Đ mua xe của P không liên quan đến H, P nói P bán xe cho Đ không biết gì về H; và biên bản lấy lời khai của Đ (BL116), Đ trình bày Đ là người mua xe của P, sau đó đưa cho H chạy dịch vụ “sau khi mua xe xong tôi đã sử dụng xe để đi lại và trả góp hàng tháng cho Ngân hàng được 03 tháng liên tiếp. Đến tháng thứ 4 H có đến gặp tôi và ngỏ ý muốn lấy xe ô tô này để chạy dịch vụ. Do tôi và H khi đó đang là bạn bè và có hợp tác làm ăn cùng nhau nên tôi đồng ý tôi không có lấy tiền thuê xe của H mà chỉ yêu cầu H đóng tiền trả góp cho Ngân hàng hàng tháng thay tôi. H đồng ý việc này nên tôi đã giao xe cùng giấy tờ liên quan cho H. Tuy nhiên sau khi tôi đưa xe cho H kinh doanh thì H không hề đóng tiền trả góp cho Ngân hàng như đã thỏa thuận trong 3-4 tháng liên tiếp...tôi liên hệ H để yêu cầu đóng tiền trả góp cho Ngân hàng thì H không đồng ý và nói rằng trách nhiệm trả góp là của tôi và chị P. Tôi yêu cầu H phải trả lại xe cho tôi thì H không đồng ý và nói rằng đây là xe của H, không phải xe của tôi. Thấy vậy tôi có làm đơn gửi cơ quan công an nhưng H vẫn không đồng ý trả xe cho tôi từ đó đến nay..”

Hành vi của bị cáo H dùng giấy tờ xe ô tô giả để thế chấp chiếc xe ô tô vay tiền của anh T và anh T3 (đã nhận được tiền vay) là có dấu hiệu của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự vì nếu không có giấy tờ xe giả thì bị cáo không thể cầm xe lấy tiền và anh T3, anh T cũng không đồng ý cầm xe của bị cáo.

Căn cứ vào lời khai của chị Đ (BL116) xét thấy cần làm rõ có hay không việc chị Đ đưa xe cho bị cáo chạy dịch vụ sau đó bị cáo không trả xe cho chị Đ, chị Đ trình báo công an bị cáo cũng không trả rồi đi cầm cố chiếc xe cho T và T3 là có dấu hiệu chiếm đoạt tài sản của chị Đ, cấp sơ thẩm chưa điều tra xác minh xem chị Đ có trình báo công an không và hành vi không trả xe cho chị Đ của bị cáo có cấu thành tội phạm hình sự không là thiếu sót.

Xét thấy, có căn cứ cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm hoặc để điều tra về tội nặng hơn tội đã tuyên trong bản án sơ thẩm và từ các viện dẫn, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần kiến nghị của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 71/2023/HS-ST ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân TP Long Khánh, tỉnh Đồng Nai để điều tra lại theo quy định của pháp luật.

[3] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại là phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ, diễn biến tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của HĐXX cũng như quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

1. Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 71/2023/HS-ST ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh để điều tra lại vụ án theo thủ tục chung.

3. Tiếp tục tạm giam bị cáo **Vũ Trung H** cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh thụ lý lại hồ sơ vụ án.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- VKSND cấp tỉnh, huyện;
- TAND cấp sơ thẩm;
- Sở tư pháp;
- Công an cấp quận, huyện;
- Phòng PV06 – Công an tỉnh;
- Nhà tạm giữ/Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Thái Thị Thanh Bình